

QUYẾT ĐỊNH

Quy định thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước;

Căn cứ Nghị quyết số 69/2022/NQ-HĐND ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 320/SNN-KHTC ngày 15 tháng 02 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng: Quyết định này quy định việc thực hiện chính sách hỗ trợ và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến chính sách hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

2. Mức hỗ trợ: Thực hiện theo các Điều 2, 3, 4 của Quy định mức hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ban hành kèm theo Nghị quyết số 69/2022/NQ-HĐND ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị (viết tắt là Nghị quyết số 69/2022/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh).

3. Điều kiện hỗ trợ: Tổ chức, cá nhân nhận hỗ trợ phải đáp ứng các điều kiện hỗ trợ cho từng loại hình được quy định tại Điều 5 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 69/2022/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Nguồn vốn và cơ chế hỗ trợ: Thực hiện theo Điều 6 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 69/2022/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Hàng năm, căn cứ khả năng ngân sách địa phương, Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, bố trí vốn trong dự toán ngân sách nhà nước tỉnh để thực hiện.

Điều 2. Quy trình tổ chức triển khai thực hiện

1. Quy trình lập, phê duyệt kế hoạch

a) Tổ chức thủy lợi cơ sở, cá nhân là thành viên tổ chức thủy lợi cơ sở (viết tắt là tổ chức, cá nhân) căn cứ nhu cầu thực tế đăng ký loại hình công trình đề nghị hỗ trợ đầu tư gửi Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Hàng năm, vào thời điểm lập dự toán ngân sách, căn cứ tình hình thực tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí thực hiện chính sách (theo thứ tự ưu tiên) gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (trước 30/8 hàng năm). Sau khi rà soát, Sở Nông nghiệp và PTNT gửi Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, bố trí kinh phí thực hiện.

2. Quy trình lập, phê duyệt hồ sơ và triển khai đầu tư xây dựng:

a) Sau khi có thông báo danh mục công trình và kinh phí được hỗ trợ, tổ chức, cá nhân lập hồ sơ công trình, trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định tại Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 Quy định chi tiết một số nội dung quản lý dự án đầu tư xây dựng;

b) Tổ chức, cá nhân căn cứ hồ sơ được phê duyệt để triển khai xây dựng công trình.

3. Quy trình giải ngân kinh phí hỗ trợ:

a) Cơ chế giải ngân thực hiện theo khoản 3, Điều 6 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 69/2022/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh;

b) Hồ sơ và thủ tục nhận hỗ trợ thực hiện theo Điều 9 Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ Quy định hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến tiết kiệm nước.

Điều 3. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Ban hành văn bản hướng dẫn chi tiết quy trình lập, phê duyệt hồ sơ và triển khai đầu tư xây dựng; hướng dẫn áp dụng thiết kế mẫu được UBND tỉnh ban hành.

b) Tổng hợp kế hoạch hàng năm của các địa phương, chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát danh mục công trình để thực hiện chính sách;

c) Theo dõi, hướng dẫn, tổng hợp, báo cáo tiến độ và đánh giá kết quả thực hiện chính sách hàng năm theo quy định.

2. Sở Tài chính

a) Hướng dẫn các địa phương về thủ tục cấp phát, thanh quyết toán; tổng hợp quyết toán chính sách trên địa bàn tỉnh;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan liên quan cân đối nguồn ngân sách hàng năm, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ kinh phí thực hiện chính sách;

c) Hướng dẫn, chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện bố trí kinh phí thực hiện chính sách trong dự toán ngân sách cấp huyện hàng năm;

d) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn, chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra và tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện chính sách theo quy định.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí lồng ghép các nguồn vốn: Vốn đầu tư từ ngân sách Trung ương hỗ trợ, vốn từ các Chương trình mục tiêu quốc gia và các nguồn vốn khác để thực hiện chính sách này.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường: Chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo giải quyết các thủ tục đất đai trong quá trình thực hiện Quyết định này.

5. Các sở, ban, ngành có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm theo dõi, giám sát, phối hợp tổ chức thực hiện Quyết định này.

6. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

a) Chủ động bố trí ngân sách cấp huyện, tùy theo khả năng cân đối ngân sách để quyết định hỗ trợ cho phù hợp;

b) Xây dựng kế hoạch hằng năm báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính (trước 30/8 hàng năm) để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ kinh phí thực hiện. Cân đối, giao kế hoạch và kinh phí hằng năm cho Ủy ban nhân dân cấp xã địa bàn để triển khai thực hiện;

c) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã: Tuyên truyền, phổ biến trên phương tiện truyền thanh cấp xã để các tổ chức, cá nhân biết và thực hiện; thanh toán tiền hỗ trợ đúng đối tượng, mức hỗ trợ theo quy định; hướng dẫn áp dụng thiết kế mẫu được UBND tỉnh ban hành.

d) Giám sát quá trình thực hiện chính sách này tại địa phương; tổng hợp, báo cáo quyết toán kinh phí gửi Sở Tài chính và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo đúng quy định hiện hành.

7. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Tổ chức thông báo công khai trên bảng tin niêm yết thủ tục hành chính; đồng thời tuyên truyền, phổ biến trên hệ thống truyền thanh cấp xã cho các tổ chức biết và triển khai thực hiện;

b) Lập kế hoạch hằng năm trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, tổng hợp;

c) Thông báo công khai danh sách tổ chức, cá nhân được nhận hỗ trợ tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, Trung tâm văn hóa các thôn và thông báo trên phương tiện truyền thanh cấp xã để tổ chức, cá nhân biết và thực hiện;

d) Tiếp nhận hồ sơ đề nghị hỗ trợ theo quy định; xem xét, thanh toán tiền hỗ trợ theo đúng đối tượng và mức hỗ trợ theo quy định;

đ) Kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc thực hiện chính sách ở địa phương;

e) Định kỳ hằng quý tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

8. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân được hỗ trợ:

a) Đăng ký danh mục công trình đề nghị hỗ trợ gửi Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp vào kế hoạch hằng năm;

b) Sau khi có thông báo được hỗ trợ, tiến hành lập hồ sơ công trình, trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt để triển khai xây dựng theo quy định;

c) Gửi hồ sơ đề nghị hỗ trợ đến Ủy ban nhân dân cấp xã để xem xét và chi trả kinh phí hỗ trợ;

d) Quản lý, sử dụng kinh phí được hỗ trợ đảm bảo đúng mục đích, hiệu quả và thanh toán, quyết toán đúng quy định hiện hành;

đ) Quản lý, khai thác công trình sau đầu tư hiệu quả và đảm bảo an toàn.

9. Ban Giám sát cộng đồng:

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã chủ trì thành lập Ban Giám sát cộng đồng với sự tham gia của đại diện Hội đồng nhân dân, Mặt trận, các tổ chức đoàn thể, đại diện cộng đồng dân cư để thực hiện giám sát cộng đồng theo quy định hiện hành trong quá trình đầu tư xây dựng.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *HL*

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- TT.HĐND tỉnh (B/cáo);
- Chủ tịch, PCT TT Hà Sỹ Đồng;
- CVP, PVP Nguyễn Cửu;
- Lưu: VT, KT_{Ph.} *HL*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hà Sỹ Đồng